

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA  
ILA JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 46/2021/CBTT-ILA  
No: 46/2021/CBTT-ILA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021  
Ho Chi Minh City, day 22 month 11 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
*To: The State Securities Commission  
Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần ILA  
- Mã chứng khoán/*Stock code*: ILA  
- Địa chỉ/*Address*: CH6, Tầng trệt lửng, Tòa nhà Sky Center, 5B Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.  
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0869 265 299  
- E-mail: [info@ilagroup.com.vn](mailto:info@ilagroup.com.vn)  
- Loại công bố thông tin  24 giờ  72 giờ  Bất thường  theo yêu cầu  Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 đã được soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/11/2021 tại đường dẫn [ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm](http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm)/ *This information was published on the company's website on 22/11/2021, as in the link [ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm](http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-17.htm):*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm/*Attached documents*:

- BCTC Công ty mẹ



ĐẶNG XUÂN HỮU



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-31

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Ban Tổng Giám đốc công ty trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

### 1. Thông tin chung về công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2021.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Trụ sở chính:** Số 20 Đường 20, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

**Văn phòng giao dịch:** Số 5B Đường Phò Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	
Ông Thân Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/08/2018	16/11/2021
Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HĐQT	16/11/2021	
Ông Võ Xuân Phong	Phó Chủ tịch HĐQT	23/04/2021	02/11/2021
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	23/04/2021	01/10/2021
Ông Tạ Ngọc Bích	Thành viên	06/07/2018	23/04/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên	16/06/2017	16/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	15/09/2018	23/04/2021
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	29/06/2020	18/05/2021
Ông Trần Đức Anh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Hồ Việt Ánh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Cao Xuân Phương	Thành viên	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên	16/11/2021	

## CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban	20/04/2019	16/11/2021
Bà Hoàng Diệu My	Trưởng ban	16/11/2021	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Thành viên	23/02/2018	16/11/2021
Ông Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên	30/11/2016	16/11/2021
Bà Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên	16/11/2021	
Ông Nguyễn Phước Thành Nhân	Thành viên	16/11/2021	
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Ông Tạ Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	20/06/2021	08/06/2021
Bà Trần Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	08/06/2021	05/10/2021
Ông Trần Đức Anh	Tổng Giám đốc	28/10/2021	
Ông Võ Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	09/12/2020	31/05/2021
Ông Đặng Xuân Hữu	Phó Tổng Giám đốc	17/09/2018	
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2019	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng		

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Trần Đức Anh - Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất ngày 29/10/2021.

#### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021.

#### 5. Thông tin khác

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện việc tái cấu trúc Công ty để hoàn thành các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 16/11/2021:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty về 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh;

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

+ Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Cát. Số lượng cổ phiếu chào bán là 17.000.000 cổ phiếu; Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; Mục đích phát hành là bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp; Phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này sẽ được dùng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành.

+ Đầu tư từ 45% đến 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành với giá mua không cao hơn 20% giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng vốn đầu tư dự kiến từ 330.000.000.000 VND đến 370.000.000.000 VND;

+ Thoái toàn bộ 51% vốn tương đương 3.060.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần ILA E&C (tên cũ là Công ty Cổ phần Võ Xuân) với giá bán đảm bảo không thấp hơn giá trị công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần ILA E&C.

+ Thoái toàn bộ 98% vốn tương đương 9.800.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần BDLand với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

### 6. Cam kết của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc công ty, Chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0721361-SXRI/AISC-TV

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 11 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Branch in Ha Noi:**

6th Floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

**Branch in Da Nang:**

350 Hai Phong Str., Thanh Khe Dist., Da Nang City

Tel: (84.236) 3747 619

Fax: (84.236) 3747 620

Email: danang@aisc.com.vn

**Rep. Office in Can Tho:**

P9019 - A 200 Nguyen Hien Str., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Tel: (84.28) 3832 9129

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: cantho@aisc.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không ảnh hưởng đến kết luận như đã nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính giữa niên độ đến Mục số V.2a – Đầu tư vào công ty con trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2021/NQ-DHĐCD ngày 16/11/2021 của Công ty đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ tại hai công ty con là Công ty Cổ phần BDLAND và Công ty Cổ phần ILA E&C. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã hoàn thành việc thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu Công ty Cổ phần ILA E&C thay vì nắm giữ khoản đầu tư dài hạn như định hướng ban đầu tại ngày mua. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo báo cáo này không bao gồm các điều chỉnh nếu có từ sự kiện này.

*Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ HÙNG DŨNG**

Số Giấy CNDKHNKT: 3174-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.890.722.250</b>	<b>6.986.711.419</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>35.437.545</b>	<b>330.189.047</b>
1. Tiền	111		35.437.545	330.189.047
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.782.691.940</b>	<b>6.637.447.789</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	881.632.861	6.626.787.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.100.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.500.000	10.660.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(204.440.921)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>57.936.366</b>	<b>4.418.184</b>
1. Hàng tồn kho	141		57.936.366	4.418.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.656.399</b>	<b>14.656.399</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	14.656.399	14.656.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>167.048.294.824</b>	<b>188.024.278.015</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>596.352.661</b>	<b>631.432.231</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	596.352.661	631.432.231
- Nguyên giá	222		701.591.369	701.591.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.238.708)	(70.159.138)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>166.246.104.582</b>	<b>187.118.772.447</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		167.200.000.000	167.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(953.895.418)	(81.227.553)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>205.837.581</b>	<b>274.073.337</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	205.837.581	274.073.337
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>204.939.017.074</b>	<b>195.010.989.434</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.684.242.712</b>	<b>8.094.086.481</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.684.242.712</b>	<b>8.094.086.481</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	501.330.090	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	3.212.542.622	2.344.566.481
4. Phải trả người lao động	314		220.370.000	249.520.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	10.750.000.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	5.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

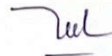
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190.254.774.362</b>	<b>186.916.902.953</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>190.254.774.362</b>	<b>186.916.902.953</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		169.999.930.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		169.999.930.000	169.999.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.254.844.362	16.916.972.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.916.972.953	3.676.096.878
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.337.871.409	13.240.876.075
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>204.939.017.074</b>	<b>195.010.989.434</b>

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Trần Đức Anh

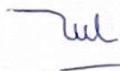
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

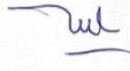
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.789.740.400	6.519.145.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.789.740.400	6.519.145.715
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.273.941.900	5.537.934.500
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>515.798.500</b>	<b>981.211.215</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.550.083.153	485.142
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.110.449.494	205.908.461
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		237.781.629	205.908.461
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	731.689.161	1.058.297.825
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>4.223.742.998</b>	<b>(282.509.929)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	17.670.667
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(17.670.667)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>4.223.742.998</b>	<b>(300.180.596)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	885.871.589	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>3.337.871.409</b>	<b>(300.180.596)</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.223.742.998	(300.180.596)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	35.079.570	35.079.568
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, 5	1.077.108.786	205.908.461
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.550.000.000)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	237.781.629	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.712.983	(59.192.567)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(31.349.685.072)	18.922.246.276
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(53.518.182)	(6.054.550)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		11.204.284.642	5.776.481.580
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		68.235.756	352.174.905
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(237.781.629)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(20.344.751.502)</b>	<b>24.985.655.644</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.550.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>25.550.000.000</b>	<b>(24.600.000.000)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	5.500.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(11.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.500.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(294.751.502)</b>	<b>385.655.644</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>330.189.047</b>	<b>1.238.638.769</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>35.437.545</b>	<b>1.624.294.413</b>

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 169.999.930.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2018. Công ty Cổ phần ILA thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/10/2021.

**Mã chứng khoán:** ILA.

**Tên tiếng Anh:** ILA JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ILA JSC.

**Trụ sở chính:** Số 20 Đường 20, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty con như sau:

<i>Tên Công ty và địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
<b>Công ty Cổ phần BDLand</b> Số 130, Nguyễn Thị Minh Khai, Khu phố Tân Long, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	98,00%	98,00%
<b>Công ty Cổ phần ILA E&amp;C (*)</b> Số 101/14, Đường 11, Khu phố 9, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. HCM.	Xây dựng	51,00%	51,00%

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 05 tháng 07 năm 2021, Công ty Cổ phần Võ Xuân đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA E&C.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

7. **Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2021:** 5 nhân viên. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5 nhân viên)

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư**

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 10 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2021, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

**14. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**16. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2021	01/01/2021
<b>Tiền</b>	<b>35.437.545</b>	<b>330.189.047</b>
Tiền mặt	26.307.662	266.737.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.129.883	63.451.385
<b>Cộng</b>	<b>35.437.545</b>	<b>330.189.047</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 29)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>881.632.861</b>	<b>(204.440.921)</b>	<b>6.626.787.789</b>	-
Khách hàng trong nước	881.632.861	(204.440.921)	6.626.787.789	-
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	87.989.000	(43.994.500)	87.989.000	-
Công ty TNHH MTV ĐPA Đức Phương	472.751.020	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ Delta-V	320.892.841	(160.446.421)	320.892.841	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thép Việt Nam	-	-	2.217.905.948	-
<b>Cộng</b>	<b>881.632.861</b>	<b>(204.440.921)</b>	<b>6.626.787.789</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Ông Võ Xuân Phong (*)	37.100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>				
Ông Võ Xuân Phong (*)	37.100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HDQT ngày 27/04/2021, Công ty Cổ phần ILA tăng tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần ILA E&C (tên cũ là Công ty Cổ phần Võ Xuân) từ 51% lên 98% thông qua việc mua lại 47% cổ phần của Ông Võ Xuân Phong và đã thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HDQT ngày 16/09/2021, Công ty Cổ phần ILA quyết định hủy giao dịch mua 47% cổ phần của Công ty Cổ phần ILA E&C. Ông Võ Xuân Phong đã hoàn lại cho Công ty Cổ phần ILA 37.100.000.000 VND trong tháng 10 năm 2021.

**5. Phải thu khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.500.000</b>	<b>-</b>	<b>10.660.000</b>	<b>-</b>
Phải thu khác	-	-	5.160.000	-
Bà Bùi Thị Nết	-	-	5.160.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.500.000	-	5.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.500.000</b>	<b>-</b>	<b>10.660.000</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.418.184	-	4.418.184	-
Hàng hoá	55.518.182	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>57.936.366</b>	<b>-</b>	<b>4.418.184</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	701.591.369	701.591.369
Số dư cuối kỳ	701.591.369	701.591.369
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	70.159.138	70.159.138
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	35.079.570	35.079.570
Số dư cuối kỳ	105.238.708	105.238.708
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	631.432.231	631.432.231
Số dư cuối kỳ	596.352.661	596.352.661

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021, Công ty sẽ thực hiện thay đổi địa chỉ trụ sở chính về địa chỉ số 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức. Phần giá trị còn lại của tài sản cố định sẽ được thanh lý với bên cho thuê trên cơ sở giá thương lượng giữa hai bên.

**8. Nợ xấu (Xem trang 30)**

<b>9. Chi phí trả trước</b>	30/06/2021	01/01/2021
<b>Dài hạn</b>	205.837.581	274.073.337
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	205.837.581	274.073.337
<b>Cộng</b>	205.837.581	274.073.337

**10. Phải trả cho người bán**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Khách hàng trong nước	501.330.090	501.330.090	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Thạch Hòa</i>	501.330.090	501.330.090	-	-
<b>Cộng</b>	501.330.090	501.330.090	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2021
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	36.658.017	43.304.552	-	79.962.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.246.708.464	885.871.589	-	3.132.580.053
Thuế thu nhập cá nhân	61.200.000	-	61.200.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.344.566.481</b>	<b>932.176.141</b>	<b>64.200.000</b>	<b>3.212.542.622</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	14.656.399	-	-	14.656.399
<b>Cộng</b>	<b>14.656.399</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.656.399</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2021	01/01/2021
Phải trả khác	10.750.000.000	-
Công ty Cổ phần BDLand (*)	10.650.000.000	-
Đối tượng khác	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.750.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 10/06/2021, Công ty Cổ phần ILA quyết định thay đổi phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần BDLand như sau: Công ty Cổ phần BDLand mua lại của Công ty Cổ phần ILA 2.940.000 cổ phiếu phổ thông với giá mua là 29.400.000.00 VND để làm cổ phiếu quỹ và điều chỉnh giảm vốn từ 100.000.000.000 VND xuống 70.000.000.000 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần ILA đã hủy phương án thoái vốn nêu trên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 và số dư này đã được hoàn lại 8.800.000.000 VND.

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN TP.HCM	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	169.999.930.000	3.676.096.878	173.676.026.878
Lợi nhuận kỳ này	-	(300.180.596)	(300.180.596)
Số dư tại 30/06/2020	169.999.930.000	3.375.916.282	173.375.846.282
Số dư tại 01/01/2021	169.999.930.000	16.916.972.953	186.916.902.953
Lợi nhuận kỳ này	-	3.337.871.409	3.337.871.409
Số dư tại 30/06/2021	169.999.930.000	20.254.844.362	190.254.774.362

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2021	01/01/2021
Vốn góp của các cổ đông	169.999.930.000	169.999.930.000
Cộng	169.999.930.000	169.999.930.000

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2021	01/01/2021
Vốn góp của chủ sở hữu	169.999.930.000	169.999.930.000
Vốn góp đầu kỳ	169.999.930.000	169.999.930.000
Vốn góp cuối kỳ	169.999.930.000	169.999.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	16.999.993	16.999.993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.999.993	16.999.993
Cổ phiếu phổ thông	16.999.993	16.999.993
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.999.993	16.999.993
Cổ phiếu phổ thông	16.999.993	16.999.993
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.789.740.400	5.585.315.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	933.830.715
Cộng	7.789.740.400	6.519.145.715

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.273.941.900	5.537.934.500
<b>Cộng</b>	<b>7.273.941.900</b>	<b>5.537.934.500</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	83.153	485.142
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	5.550.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.550.083.153</b>	<b>485.142</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	237.781.629	205.908.461
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	872.667.865	-
<b>Cộng</b>	<b>1.110.449.494</b>	<b>205.908.461</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	304.440.000	393.600.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.235.756	365.226.723
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.079.570	35.079.568
Thuế, phí, lệ phí	4.174.026	18.534.648
Chi phí dự phòng	204.440.921	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.521.147	155.180.993
Chi phí bằng tiền khác	79.797.741	90.675.893
<b>Cộng</b>	<b>731.689.161</b>	<b>1.058.297.825</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.235.756	365.226.723
Chi phí nhân công	304.440.000	393.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.079.570	35.079.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.521.147	155.180.993
Chi phí khác	288.412.688	109.210.541
<b>Cộng</b>	<b>731.689.161</b>	<b>1.058.297.825</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.223.742.998	(300.180.596)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	205.614.947	95.490.037
Các khoản điều chỉnh tăng	205.614.947	95.490.037
Chi phí không được trừ	205.614.947	95.490.037
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế kỳ này	4.429.357.945	(204.690.559)
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	<b>885.871.589</b>	-

(\*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**8. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**8.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và ngày 30 tháng 06 năm 2020.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh là không đáng kể.

**8.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**8.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2021</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	501.330.090	-	-	501.330.090
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.750.000.000	-	-	10.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.251.330.090</b>	-	-	<b>11.251.330.090</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Các khoản vay và nợ	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.500.000.000</b>	-	-	<b>5.500.000.000</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 31)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

**2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
5.500.000.000	-

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
(11.000.000.000)	-

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh các sự kiện sau đây:

Vào ngày 29 tháng 09 năm 2021, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13, thay đổi người đại diện theo pháp luật hiện tại là Ông Trần Đức Anh giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế cho Bà Trần Thị Thu Hà.

Công ty đã hoàn thành việc thỏa thuận chuyển nhượng 3.060.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ILA E&C cho Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam (Bên liên quan) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 20/2021/HDCN/ILA-VX ngày 20/11/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng theo thỏa thuận không thấp hơn giá mua ban đầu.

Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 16/11/2021. Nội dung cuộc họp đã được thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 như sau:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty về 620 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

+ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

+ Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Cát. Số lượng cổ phiếu chào bán là 17.000.000 cổ phiếu; Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu; Mục đích phát hành là bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp; Phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này sẽ được dùng để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành.

+ Đầu tư từ 45% đến 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành với giá mua không cao hơn 20% giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng vốn đầu tư dự kiến từ 330.000.000.000 VND đến 370.000.000.000 VND;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thoái toàn bộ 98% vốn tương đương 9.800.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần BDLand với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của Công ty thẩm định giá độc lập.

Ngoài ra, không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan trong kỳ**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần BDLand	Công ty con
Công ty Cổ phần ILA E&C	Công ty con
Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam	Bên liên quan
Đặng Xuân Hữu	Phó Tổng Giám Đốc
Võ Xuân Phong	Phó Tổng Giám Đốc

**Giao dịch và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:**

Trả trước cho người bán	30/06/2021	01/01/2021
Ông Võ Xuân Phong	37.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.100.000.000</b>	<b>-</b>
Phải trả khác	30/06/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần BDLand	10.650.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.650.000.000</b>	<b>-</b>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
Hội đồng Quản trị Lương và thưởng	126.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	90.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>216.000.000</b>	<b>372.000.000</b>

**4. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Tuyết Nhung



Tổng Giám đốc

Trần Đức Anh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>	<b>167.200.000.000</b>	<b>(953.895.418)</b>	<b>166.246.104.582</b>	<b>167.200.000.000</b>	<b>(81.227.553)</b>	<b>167.118.772.447</b>
Công ty Cổ phần BDLand (1)	106.000.000.000	(953.895.418)	105.046.104.582	106.000.000.000	(81.227.553)	105.918.772.447
Công ty Cổ phần ILA E&C (2)	61.200.000.000	-	61.200.000.000	61.200.000.000	-	61.200.000.000
<b>b. Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư TTD (1)	-	-	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần JP Win (4)	-	-	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai (5)	-	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>167.200.000.000</b>	<b>(953.895.418)</b>	<b>166.246.104.582</b>	<b>187.200.000.000</b>	<b>(81.227.553)</b>	<b>187.118.772.447</b>

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021, Công ty sẽ thực hiện thoái vốn 98% cổ phần (tương đương 9.800.000 cổ phiếu) với giá bán không thấp hơn giá trị định giá của công ty nhằm định giá độc lập.

(2) Công ty đã hoàn thành việc thỏa thuận chuyển nhượng 3.060.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ILA E&C cho Công ty TNHH AZ Solution Việt Nam (Bên liên quan) theo Hợp đồng chuyển nhượng có phần số 20/2021/HĐCN/ILA-VX ngày 20/1/2021. Tổng giá trị chuyển nhượng theo thỏa thuận không thấp hơn giá mua ban đầu.

(3) Công ty thoái 18% phần vốn góp còn lại tại Công ty Cổ phần TTD theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 17/2021/HĐCN/ILA-TTD ngày 01/06/2021.

(4) Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần JP Win theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2021/HĐCN/ILA-JPW ngày 02/06/2021.

(5) Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Logistics GLG Đồng Nai theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 31/05/2021 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 19/2021/HĐCN/ILA-GLG ngày 03/06/2021.

(\*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý tại thời điểm 30/06/2021 của các khoản đầu tư vào đơn vị chưa đại chúng không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, Công ty tạm trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư bằng giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Nợ xấu	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	408.881.841	204.440.920	408.881.841	408.881.841
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	87.989.000	43.994.500	87.989.000	87.989.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ DELTA-V	320.892.841	160.446.420	320.892.841	320.892.841

Khoản phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

Khoản phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI.9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	Dự phòng	Giá trị	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2020
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	881.632.861	(204.440.921)	6.626.787.789	-	677.191.940	6.626.787.789
- Phải thu khác	5.500.000	-	5.500.000	-	5.500.000	5.500.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	35.437.545	-	330.189.047	-	35.437.545	330.189.047
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>922.570.406</b>	<b>(204.440.921)</b>	<b>6.962.476.836</b>	<b>-</b>	<b>718.129.485</b>	<b>6.962.476.836</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	-	-	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000
- Phải trả người bán	501.330.090	-	-	-	501.330.090	-
- Phải trả khác	10.750.000.000	-	-	-	10.750.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.251.330.090</b>	<b>-</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.251.330.090</b>	<b>5.500.000.000</b>